

**TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP**

Giấy ĐKKD số : 0102306413
Trụ sở : Đốc Vân – Yên Viên – Gia Lâm – Hà Nội
Điện thoại : 0243.5377989 Fax: 0243.5377988
Website : www.vinacap.vn



VĂN KIẾN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Hà Nội, tháng 5 năm 2020



TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

VPGD : Tòa N03-T5 Khu Đoàn Ngoại Giao – NM: Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm HN
ĐT : (+84.24) 35377989 - Fax: (+84.24) 35377988 – Website : <https://vinacap.vn>

CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

Thời gian : Từ 8h đến 11h ngày 12 tháng 05 năm 2020

Địa chỉ dự họp trực tuyến/Online: [HTTPS://MEET.GOOGLE.COM/OJV-OEOZ-MUI](https://meet.google.com/ojv-oeoz-mui)

TT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
1	8h-8h30	Xác nhận đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và nhận tài liệu trực tuyến	Ông Hiếu – Thư ký HĐQT
2	8h30-9h00	- Khai mạc Đại hội. - Giới thiệu Đại biểu, Đoàn Chủ tịch, cử thư ký Đại hội. - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐH. Thông qua chương trình ĐH.	Bà Giang – Ban tổ chức
3	9h00-9h15	- Báo cáo hoạt động năm 2019 và định hướng năm 2020 của Ban Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Viễn Thông Điện Tử Vinacap	Bà Vũ Hồng Hạnh - TGD
4	09h15-9h30	- Báo cáo hoạt động năm 2019 và định hướng năm 2020 của HĐQT.	Ông Phương – CT HĐQT
5	9h30-9h45	- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.	Ông Ninh – Trưởng BKS
6	9h45-10h15	Tờ trình của HĐQT về: - Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019; Thực hiện phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019; - Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức; Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT và BKS; Kế hoạch đầu tư; Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020.	Bà Hạnh TGD
7	10h15-10h45	- Thảo luận / Biểu quyết thông qua nội dung Đại hội bằng thẻ Biểu quyết Kiểm phiếu / Nghi giải lao / Thông báo kết quả.	Ông Ninh – BKS, Ông Phương – CT HĐQT
8	10h45-11h00	Thông qua Nghị Quyết ĐHĐCĐ và Bế mạc Đại hội.	Ông Xuân - Thư Ký Đại hội



NỘI DUNG

I. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA CÔNG TY.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và định hướng năm 2020

III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.

IV. TỜ TRÌNH CỦA HĐQT VỀ:

1. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019; Thực hiện phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019;
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức; Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT và BKS; Kế hoạch đầu tư; Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020.

V. KIẾN NGHỊ ĐẠI HỘI THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

Số : /20/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2020

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Hội đồng Quản trị Công ty gửi tới Quý cổ đông tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty như sau:

I. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CỔ ĐÔNG:

Cơ cấu vốn góp:

Theo danh sách chốt đến 04 tháng 04 năm 2020 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD): Vốn điều lệ là 156.000.000.000 đồng tương đương 15.600.000 cổ phần và cơ cấu cổ đông nắm giữ trên 5% như sau:

TT	Họ và tên	Số CMND/ĐKSH	Địa chỉ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	100684378	Số 57 - Huỳnh Thúc Kháng Đống Đa - Hà Nội	4.992.000	32,00%
2	Nguyễn Thanh Hà	001173012778	Tổ 31, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	2.767.336	17,74%
3	Phạm Văn Trung Kiên	011870883	Số 30 Ngõ 121 Sài Đồng - Long Biên - Hà Nội	1.602.536	10,27%
4	Nguyễn Thị Lan	011297286	19/87 Trường Lâm, Long Biên, Hà Nội	1.481.544	9,5%
5	Tổ chức và các nhân khác (nắm giữ dưới 5%)			4.756.584	30,49%
Tổng cộng				15.600.000	100%

Cơ cấu tổ chức của tổ chức:

- Ban TGD điều hành: 01 Tổng Giám đốc.
- Chi nhánh VINACAP tại Hà Nội.
- Phòng Tổ chức Tổng hợp.
- Phòng Tài chính kế toán .

- Phòng Vật tư thương mại.
- Ban viễn thông.
- Ban Năng lượng
- Phòng sản xuất.
- Phòng quản lý chất lượng.
- Nhà máy

Các cá nhân trong Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm lần đầu
1. Bà Vũ Hồng Hạnh	Tổng Giám đốc	17/05/2017

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng lao động tại 31/12/2019 :125 người.

Thành phần của HĐQT, Ban kiểm soát:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ III (2017-2022)

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Bổ nhiệm lại
1	Ông Ngô Hoàng Phương	Chủ tịch	Bắt đầu 07/06/2018
2	Ông Trần Quốc Việt	Ủy viên (Đại diện vốn VNPT)	Miễn nhiệm 17/10/2019
	Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên (Đại diện vốn VNPT)	Bổ nhiệm ngày 17/10/2019
3	Ông Trần Xuân Thái	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/05/2019
4	Ông Ngô Hữu Tâm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/05/2019
5	Bà Vũ Hồng Hạnh	Ủy viên - Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc VINACAP	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017

BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ III (2017-2022)

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Bổ nhiệm lại
1	Ông Phạm Văn Ninh	Trưởng ban	Bổ nhiệm 07/06/2018
2	Ông Đinh Quang Hữu	Thành viên	Bổ nhiệm 7/06/2018
3	Ông Vũ Hoàng Công	Thành viên	Bổ nhiệm 20/05/2016

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Bổ nhiệm lại
4	Ông Nguyễn Quang Trình	Trưởng ban	Miễn nhiệm 24/05/2019

NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

(Theo tài liệu gửi kèm).

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Theo tài liệu gửi kèm).

III. TỜ TRÌNH CỦA HĐQT VỀ:

1. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019; Thực hiện phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019;
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức; Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT và BKS; Kế hoạch đầu tư; Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020.

ĐHĐCĐ giao nhiệm vụ cho HĐQT chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội này theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ, BanKS;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Hoàng Phương





**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2020
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP**

KÍNH GỬI: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP;
- Căn cứ Nghị Quyết số 70/20/NQ-HĐQT ngày 06/03/2020 lần thứ 39 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP.

Thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2019, Ban tổng giám đốc Công ty báo cáo ĐHĐCĐ kết quả SXKD năm 2019 và định hướng hoạt động kinh doanh năm 2020 như sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

I.1. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2019

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

Trong năm 2019, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng Công ty tìm mọi biện pháp tồn tại và kiên trì duy trì SXKD. Cụ thể kết quả SXKD như sau:

Kết quả SXKD:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		
			Kế hoạch	Thực hiện	% +/-
1	Doanh thu	709,78	624,015	800,71	28%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	3,17	13,859	8,59	-38%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	2,53	11,09	5,92	-47%
4	Vốn điều lệ bình quân	156	156	156	100%
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	1,5%/VĐL	5%/VĐL	3%/VĐL	-40%
6	Thù lao HĐQT, BKS	0,569	3% LNST	0,125	
7	Trích lập các quỹ	0	Theo quy định	0	

(Theo tài liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019)

2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	+/- %
1	Tổng tài sản	377.198	367.713	-2,5%
2	Nợ ngắn hạn	205.919	192.868	-6,3%
3	Nợ dài hạn	0	40	
4	Vốn chủ sở hữu	171.279	174.804	2,1%
	a. Vốn điều lệ	156.000	156.000	100%
	b. Thặng dư vốn cổ phần	5.044	5.044	100%
	c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0	
	d. Lợi nhuận chưa phân phối	2.597	6.122	35,7%

(Nguồn: Trích Báo cáo tài chính 2019 đã kiểm toán)

I.2. Tình hình hoạt động năm 2019:

2.1. Hoạt động Sản xuất kinh doanh

2.1.1. Sản phẩm cáp quang và dây thuê bao:

Năm 2019 sản phẩm cáp Quang và dây TB Quang của công ty khá ổn định sản xuất đều 3 ca và thuê thêm nhà máy sản xuất do Công ty trúng các đơn hàng của VNPT và EVN.

2.1.2. Điện dân dụng

Dây điện dân dụng là mặt hàng công ty cũng có nhiều khó khăn, tuy nhiên để tận dụng hết dây truyền sản xuất, đủ việc làm cho người lao động công ty đã nhận thêm OEM cho công ty Trần phú, sản xuất đều 3 ca liên tục cho năm 2019, tận dụng được hết khẩu hao không sử dụng hết của Dây chuyên dây điện

2.1.3. Cáp mạng LAN:

Hiện nay Cáp mạng Lan của Công ty là sản phẩm nội địa có chất lượng cao, Cáp mạng Lan của công ty sản xuất ổn định, Tuy nhiên sản lượng còn nhỏ, sản phẩm đã được đưa vào các bệnh viện mới xây dựng và dần tiến tới xuất khẩu.

2.1.4. Kinh doanh thương mại dự án:

Bên cạnh các hoạt động sản xuất chính, Công ty cố gắng hợp tác với các hãng thiết bị viễn thông, thiết bị điện và công nghệ thông tin. Hoạt động thương mại và dự án là nguồn thu bù đắp cho những sản phẩm còn yếu của công ty như thị trường dây điện dân dụng. Trong năm Công ty đã kinh doanh bán thương mại các sản phẩm: Ấc quy, phụ kiện viễn thông, tin học, Thẻ cào..v.v

2.2. Công tác đầu tư

Thực hiện NQ ĐHĐCĐ và NQ HĐQT năm 2019, Công ty đã hoàn thành triển khai thực hiện dự án đầu tư theo quy định:

- Đang thực hiện mua sắm thiết bị “dự án đầu tư máy móc để nâng cao năng lực sản xuất cáp LAN nâng công suất sản xuất từ 3500 hộp/tháng lên 5500 hộp/tháng” theo Nghị quyết HĐQT lần 36.
- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng “Phương án thanh lý dây chuyền cáp đồng đã hết khấu hao và ít còn khả năng sử dụng, phương án thanh lý theo đúng quy định của Công ty và pháp luật hiện hành trong năm 2020”.
- Ban TGD đang xây dựng phương án đầu tư hệ thống PCCC tại Nhà máy theo các quy định của Luật PCCC an toàn cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh tại Nhà máy Công ty.
- Cùng cố phòng LAB cho cáp LAN: Xem các thiết bị đo kiểm phù hợp có giá cả và Chất lượng đảm bảo, Công ty sẽ xem xét quy mô và quyết định đầu tư phòng LAB phù hợp.

2.3. Quản trị doanh nghiệp:

Ngay từ đầu năm 2019, Ban TGD đã nhận định đánh giá được bối cảnh kinh doanh qua các cuộc họp HĐQT thường kỳ/cả đột suất để thực hiện các giải pháp kinh doanh:

2.3.1. Tổ chức bộ máy

- Năm 2019, Ban TGD hoạt động chỉ có 1 TGD trực tiếp điều hành dưới sự chỉ đạo của HĐQT và trực tiếp của Chủ tịch HĐQT Công ty trong các hoạt động kinh doanh.
- Trong năm 2019: Thành lập Ban Năng lượng khai thác thị trường EVN và các dự án BĐS, Bổ sung thêm 1 Giám đốc Ban từ ngày 01/11/2019.
- Kiện toàn công tác tổ chức: Bộ máy mới VINACAP gồm các đơn vị phòng ban:

Khối kinh doanh: Chi nhánh Hà Nội; Ban Viễn thông; Ban Năng lượng.

Khối văn phòng: Phòng TCTH, Phòng TCKT; Phòng VTTM; TT bảo hành.

Nhà máy: VPNM, Phòng SX, Phòng QLCL – QM, Bộ phận kho;

2.3.2. Công tác Quản lý: Xây dựng hoàn thiện Chính sách – Quy trình

Thực hiện nghị quyết của HĐQT Ban TGD và Tổ trợ lý đã triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và đạt kết quả tích cực:

- Kiện toàn và ban hành mô hình tổ chức mới của công ty.
- Rà soát đánh giá lại tồn tại của qui trình quản lý hiện nay và đã Ban hành qui trình quản lý mới áp dụng cho toàn công ty: Tài chính – Kho – Mua/bán vật tư – Bán sản phẩm... Qui trình quản lý đã tăng cường đáng kể vai trò giám sát/kiểm tra chéo giữa các bộ phận và xác định trách nhiệm khi có sai phạm xảy ra.
- Xây dựng và đã ban hành mô hình động lực cho các bộ phận khi tiết kiệm chi phí tăng lợi nhuận cho công ty, hiện nay hầu hết các khoản chi trong công ty đều có so sánh đánh giá Cũ –

Mới – Thực tế để phân tích khả năng tiết kiệm/tối ưu của các bộ phận/cá nhân trên cơ sở đó tiến hành khen thưởng kịp thời tạo động lực thi đua.

- Cùng cố và hoàn thiện lại các quy trình quy định, phân công trách nhiệm, nhiệm vụ của các Phòng ban, trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt.
- Thực hiện tốt quản trị chi phí nội bộ nhằm gia tăng tối đa lợi nhuận cho Công ty (giảm chi phí, giảm giá thành để tăng lợi nhuận với giá bán phù hợp).
- Xây dựng các quy chế quản lý gắn chặt với hiệu quả công việc.
- Tiếp tục giao Giám đốc nhà máy xây dựng và sắp xếp tiêu chuẩn 5S và ISO cho nhà máy sản xuất, xây dựng các quy định và kiểm soát chất lượng, tiết kiệm giá thành.
- Tổ chức thành công buổi bảo vệ KH năm 2020 và học tập hoạt động ngoại khóa ngoài trời trải nghiệm chinh phục thử thách, đỉnh cao tại Sapa.

2.3.3. Xây dựng phát triển văn hóa doanh nghiệp

- Xây dựng môi trường - văn hóa công ty chuyên nghiệp: Công ty đã thực hiện hàng tuần các buổi sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp, tổ chức mỗi tháng 1 lần đào tạo cán bộ quản lý cấp cao, nâng cao nhiệm vụ quản lý và chuyên môn cho các cán bộ quản lý từ phó phòng và trưởng BP trở lên. Các hoạt động gắn kết đội ngũ được tổ chức định kỳ nâng cao mức độ hài lòng và gắn kết nhân viên và các cán bộ quản lý. Tổ chức sinh hoạt và đào tạo chuyên môn cho CBCNV, Cán bộ Quản lý : Đào tạo và Xây dựng tinh thần đội nhóm, văn hóa công ty
- Đã hướng dẫn/quản trị cán bộ quản lý công ty về nâng cao trách nhiệm điều hành và triệt để tiết kiệm tránh lãng phí trong kinh doanh.
- Đã củng cố và ổn định tinh thần cho đội ngũ CB quản lý công ty. Hiện nay, công ty có cơ cấu điều hành gọn /nhẹ và tinh thần làm việc hăng say của CBCNV.
- Công ty duy trì thứ 2 hàng tuần các buổi sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp tại VP Hà nội, có Kế hoạch sinh hoạt tiếp theo tại VPNM cho các CBCNV công nhân khối nhà máy, đào tạo nâng cao tính trách nhiệm về công việc, sản phẩm, kỹ năng và tiết kiệm tiêu hao vật tư.
- Có các buổi đào tạo cán bộ quản lý cấp cao, nâng cao nhiệm vụ quản lý và các cán bộ chuyên môn nâng cao kỹ năng và nghiệp vụ phù hợp với xu hướng mới của xã hội hiện nay.
- Các hoạt động gắn kết đội ngũ được tổ chức định kỳ nâng cao mức độ hài lòng và gắn kết nhân viên và các cán bộ quản lý.
- Ổn định và giám sát thường xuyên các hoạt động kinh doanh của các bộ phận, bám sát việc hoàn thành doanh thu và lợi nhuận của Công ty giao.

2.4. Nhận định chung:

Năm 2019 là năm công ty có thuận lợi trong việc kinh doanh ổn định cho tất cả các sản phẩm, tuy nhiên còn nhiều tồn đọng vật tư có giá thành cao từ các năm trước làm lợi nhuận công ty chưa đạt như mong muốn.

Bước sang năm 2020 là năm sẽ gặp nhiều khó khăn cho công ty khi tình hình dịch bệnh làm gián đoạn kinh doanh, trì trệ phát triển của kinh tế trong nước và thế giới. Kéo theo thị trường chung của Công ty cũng giảm sút trong đó thị trường dây điện kinh doanh rất khó khăn

Ban tổng giám đốc công ty đang cố gắng hết sức để tiếp tục đẩy mạnh thị trường dây điện bằng nhiều các giải pháp được đặt ra. Với việc đồng bộ từ sản phẩm, thị trường, giá cả, nhân sự, Marketing và hậu mãi khách hàng.

Với các sản phẩm và mảng thị trường khác, Công ty không ngừng quan hệ, tham gia đấu thầu và tìm kiếm cải tiến sản phẩm mới cho việc phát triển ổn định cấp Quang, cấp Lan và các dự án thương mại thiết bị đang theo đuổi.

II. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Đánh giá tình hình:

- Thị trường viễn thông tiếp tục phát triển lên 5G, sản phẩm cáp Quang vẫn là sản phẩm truyền dẫn duy nhất, các thị trường VNPT, MobiFone, EVN nên sẽ tiếp tục ổn định cho năm 2020.
- Công nghệ 4.0 được chính phủ quan tâm, công nghệ số hóa ngày càng phát triển tạo cơ hội cho sản phẩm cáp LAN tăng trưởng.
- Thị trường BĐS và xây dựng đang có trì trệ do dịch bệnh Covid nên thực sự là sản phẩm kinh doanh khó khăn cho năm 2020.
- Trong quá trình SXKD ngoài bán các sản phẩm chính của Công ty và có nhiều cơ hội cho các sản phẩm phụ kiện và thương mại khác đi kèm.
- Dịch bệnh Covid 19 xảy ra ngoài dự kiến, Gây những hậu quả khó đoán.

2. Các kế hoạch công việc cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

- Đã giao xong KH kinh doanh xong năm 2020: **(Khi dịch bệnh Covid 19 chưa xảy ra)**
Tăng trưởng tối thiểu so với năm 2020 là 7.5%.
 - o Tổng Doanh thu: 652,15 tỷ đồng.
 - o Tổng lợi nhuận: 9,24 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức (bằng tiền mặt) đạt khoảng 5%/VĐL, Sau khi thực hiện trích lập các quỹ theo quy định.

3. Thực hiện nhiệm vụ năm 2020:

- Các Bộ phận kinh doanh tiếp tục đàm phán để ký kết các hợp đồng tiếp tục cho sản xuất kinh doanh các quý tiếp theo và cả năm 2020.
- Tiếp tục giao giám đốc tài chính xây dựng lại các Bộ chỉ tiêu kiểm soát kinh doanh và hiệu quả đánh giá chi tiết từng bộ phận, cá nhân như bộ chỉ tiêu KPI, BSC. Đánh giá và chịu trách nhiệm kiểm soát hàng quý lập báo cáo kết quả. Xây dựng lại toàn bộ các form mẫu, bảng biểu, báo cáo đánh giá hoạt động kinh doanh, chi phí, định mức, giá vốn, hao phí, tiền lương

và các chi phí hoạt động để kiểm soát việc thực hiện kế hoạch năm 2020, mục tiêu tiết kiệm chi phí hoàn thành vượt mức kế hoạch.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác với các đối tác lớn trong và ngoài nước, làm đại diện bán hàng để mạnh dạn tham gia các gói thầu lớn tại EVN, MOBI, Viettel vv...
- Với các hợp đồng đã ký kết với VNPT và các dự án các Quang khác tiếp tục triển khai, dự kiến ổn định sản xuất của Công ty đã đến hết tháng 6 năm 2020.
- Năm 2020, Công ty phấn đấu tiết kiệm chi phí tối đa để tăng hiệu quả lợi nhuận cho Công ty cao hơn mục tiêu đặt ra.

3.1. *Phê duyệt hạn mức tín dụng cho kế hoạch KD năm 2020:*

Phê duyệt hạn mức vay tín dụng của công ty là 150 tỷ:

- o Dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng (ngân hàng) tại mọi thời điểm không vượt quá 150 tỷ đồng.
- o Giao cho Tổng Giám đốc quyền quyết định và ủy quyền:
 - Vay vốn và thế chấp tài sản tại các ngân hàng.
 - Ký kết các hợp đồng vay vốn, tín dụng, các giao dịch đảm bảo, các; hợp đồng thế chấp và các thủ tục khác để vay vốn ngân hàng.

3.2. *Định hướng đầu tư:*

- Ban TGD xây dựng phương án đầu tư hệ thống PCCC tại Nhà máy theo các quy định của Luật PCCC cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh tại Nhà máy Công ty.
- Củng cố phòng LAB cho cáp LAN: Xem xét các thiết bị đo kiểm phù hợp, Công ty sẽ quyết định đầu tư phòng LAB phù hợp.
- Khẩn trương hoàn thành việc lắp đặt “dự án đầu tư máy móc để nâng cao năng lực sản xuất cáp LAN nâng công suất sản xuất từ 3500 hộp/tháng lên 5500 hộp/tháng” theo Nghị quyết HĐQT lần 36
- Dự báo xu thế thị trường, phát triển sản phẩm mới. Tìm kiếm hợp tác với các đơn vị có năng lực và nhu cầu kết nối kinh doanh cho các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay.

2.3.3 *Định hướng chung:*

- Các Bộ phận kinh doanh tiếp tục đàm phán để ký kết các hợp đồng tiếp tục cho sản xuất kinh doanh các quý tiếp theo và cả năm 2020.
- Tiếp tục giao giám đốc tài chính xây dựng lại các Bộ chỉ tiêu kiểm soát kinh doanh và hiệu quả đánh giá chi tiết từng bộ phận, cá nhân như bộ chỉ tiêu KPI, BSC. Đánh giá và chịu trách nhiệm kiểm soát hàng quý lập báo cáo kết quả. Xây dựng lại toàn bộ các form mẫu, bảng biểu, báo cáo đánh giá hoạt động kinh doanh, chi phí, định mức, giá vốn, hao phí, tiền lương và các chi phí hoạt động để kiểm soát việc thực hiện kế hoạch năm 2020, mục tiêu tiết kiệm chi phí hoàn thành vượt mức kế hoạch.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác với các đối tác lớn trong và ngoài nước , làm đại diện bán hàng để mạnh dạn tham gia các gói thầu lớn tại EVN, MOBI, Viettel vv...
- Với các hợp đồng đã ký kết với VNPT và các dự án khác tiếp tục triển khai, dự kiến ổn định sản xuất của Công ty đã đến hết tháng 6 năm 2020.
- Năm 2020, Công ty phấn đấu tiết kiệm chi phí tối đa để tăng hiệu quả lợi nhuận cho Công ty cao hơn mục tiêu đặt ra.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và định hướng năm 2020 của Ban TGD Công ty. Ban TGD Công ty rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của Quý cổ đông/Nhà đầu tư cho sự phát triển của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn.





**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2020
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP**

KÍNH GỬI: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP;
- Căn cứ Nghị Quyết số 70/20/NQ-HĐQT ngày 06/03/2020 lần thứ 39 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP.

Thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty báo cáo ĐHĐCĐ kết quả SXKD năm 2019 và định hướng hoạt động kinh doanh năm 2020 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019:

1. Công tác điều hành:

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 theo quy định:
 - o Trong năm Công ty đã tổ chức ĐHĐCĐ bất thường để kiện toàn bầu bổ sung thay thế TV HĐQT theo Văn bản của Tập đoàn VNPT về thay Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 26/06/2019 của CT HĐTV Tập đoàn về việc thay đổi Người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn VNPT tại VINACAP theo đó: Để Ông Trần Quốc Việt – Phó Trưởng Ban Kế hoạch - Đầu tư, thôi làm Người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn VNPT tại Công ty VINACAP và cử Ông Nguyễn Thanh Hải – Tổng Giám đốc Công ty CP VINA-OFC, làm Người đại diện theo ủy quyền 100% phần vốn góp của Tập đoàn VNPT tại Công ty VINACAP, ứng cử giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty VINACAP
 - o Theo Nghị Quyết 63/19/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 17/10/2019 của ĐHĐCĐ bất thường thông qua kết quả bầu cử đối với Ông Nguyễn Thanh Hải là TV HĐQT nhiệm kỳ III (2017-2022) Công ty Cổ phần viễn thông Điện tử VINACAP. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP nhiệm kỳ III (2017-2022) gồm 3 thành viên như sau:

- (1). Ông Ngô Hoàng Phương - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
- (2). Bà Vũ Hồng Hạnh - Chức vụ: UV HĐQT/Tổng Giám đốc.

(3). Ông Nguyễn Thanh Hải - Chức vụ: UV HĐQT.

- Trong năm HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo quy định của Luật doanh nghiệp với đầy đủ các thành phần HĐQT; Ban kiểm soát và các cán bộ chủ chốt của Công ty để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT và thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2019 giao.
- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT và luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, làm cơ sở để Ban TGD hoàn thành nhiệm vụ SXKD. Các thành viên HĐQT luôn tích cực phối hợp, hỗ trợ BLĐ công ty trong công tác điều hành hoạt động SXKD.
- Phối hợp thường xuyên với Ban kiểm soát Công ty trong công tác giám sát hoạt động doanh nghiệp.
- Giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban thực hiện nghị quyết của HĐQT.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác:

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty thông qua Nghị quyết và Quyết định chỉ đạo Ban TGD điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD theo nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

Trong bối cảnh nền kinh tế, thị trường còn nhiều rủi ro, cạnh tranh nhiều thách thức, Ban TGD điều hành đã báo cáo trình HĐQT, có giải pháp phù hợp trong điều hành hoạt động SXKD đã giúp cho Công ty hoạt động ổn định.

- Công ty đã duy trì được sự ổn định trong tình hình thực tế biến động, đảm bảo việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động và cân đối quyền lợi của cổ đông, chấp hành thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước.
- Thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, Ban TGD bám sát điều hành SXKD, kiểm toán báo cáo tài chính Công ty và công bố thông tin theo quy định.

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019: Công ty vượt chỉ tiêu kế hoạch Doanh thu, riêng chỉ tiêu lợi nhuận không hoàn thành.

- Doanh thu: 800,71 tỷ đồng, tăng 28% so kế hoạch đề ra
- Lợi nhuận sau thuế: 5,92 tỷ đồng giảm 47% so kế hoạch đề ra

Nguyên nhân:

- Đầu năm, Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn từ biến động vật tư năm 2018 nên khâu dự trữ, mua vật tư đầu vào cho cấp quang bị thay đổi mạnh, biến động từ Thiếu sang Thừa gây khó khăn cho tồn kho và giá thành sx. Về sản xuất dây lõi đồng: Giá dây đồng luôn biến động theo các kim loại quý nên khó dự báo, mức sinh lợi không ổn định ...
- Quý 1, Các đơn hàng sản xuất cấp quang và dây lõi đồng chưa đủ sản lượng để sản xuất đều 3 ca và nên hiệu quả chưa như kỳ vọng ...
- Công ty tiếp tục Xử lý hàng tồn kho giá cao, khó bán gây giảm hiệu quả; Chi phí tài chính tăng cao do vật tư hàng tồn và công nợ phải thu ...

- Biến động và Thiếu nhân sự quản lý cấp cao: BTGD công ty không đủ nhân sự, duy nhất có 1 TGD điều hành công ty trong hơn 1 năm nên khối lượng công việc quá tải; Cổ đông lớn là VNPT tiếp tục thay thế nhân sự đại diện vốn/ tham gia HĐQT, như vậy trong nhiệm kỳ này VNPT đã rút và thay thế toàn bộ cán bộ đại diện vốn.
- Công ty tiếp tục hoàn thiện các cơ chế quản lý quản lý và xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo động lực và tinh thần phấn chấn cho cán bộ công ty. Các sinh hoạt lớn toàn công ty mang lại niềm vui và thoải mái cho CBCNV.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Phân tích định hướng chung:

- Thị trường viễn thông tiếp tục phát triển lên 5G, sản phẩm cáp Quang vẫn là sản phẩm truyền dẫn duy nhất, các thị trường VNPT, MobiFone, EVN duy trì nhu cầu đầu tư tiếp tục cho năm 2020.
- Công nghệ 4.0 được chính phủ quan tâm, công nghệ số hóa ngày càng phát triển tạo cơ hội cho sản phẩm cáp LAN tăng trưởng.
- Tình hình dịch bệnh Covi tác động đột ngột và sâu sắc đến toàn bộ nền kinh tế, nhiều ngành nghề đình đốn: Thị trường BĐS, du lịch, giao thông, dịch vụ....
- Công ty tiếp tục định hướng duy trì 2 Nhóm sản phẩm Cáp sợi quang và Cáp sợi đồng, đồng thời từng bước phát triển nhóm sản phẩm Phụ kiện/thiết bị đi kèm và các hoạt động thương mại
- Duy trì tính cạnh tranh trên các thị trường truyền thống tham gia các gói thầu lớn tại VNPT, MOBI, Viettel vv... Tham gia các gói thầu cung cấp cáp và thiết bị tại thị trường mới EVN
- Với các hợp đồng đã ký kết với VNPT và các dự án khác tiếp tục triển khai, dự kiến ổn định sản xuất của Công ty đã đến hết tháng 6 năm 2020.
- Năm 2020, Công ty tiếp tục kiện toàn Nhân sự quản lý các cấp, hoàn thiện bộ qui trình quản lý /kiểm soát hoạt động công ty. Thực hành tiết kiệm chi phí tối đa để tăng hiệu quả lợi nhuận cho Công ty cao hơn mục tiêu đặt ra.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

1.1. Các chỉ tiêu chính:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
Doanh thu	800.705	652.150	Giảm 19%
Lợi nhuận trước thuế	8.594	9.240	Tăng 7,5%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
Vốn điều lệ	156	156	
Cổ tức bình quân	3%/VĐL	5%/VĐL	Sau khi đã trích nộp đủ các quỹ theo quy định
Quỹ tiền lương/Thù lao HĐQT và BKS		<p>Phương án chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2020 chi tiết như sau:</p> <p>(1) – Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chỉ tiêu LNST năm 2020 thì thù lao bằng 3% LNST (sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định);</p> <p>(2) – Trường hợp LNST thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 1% LNST vượt so với kế hoạch thì thù lao được tăng tối đa 2% thù lao theo mức hoàn thành kế hoạch. Tổng quỹ thù lao thực hiện của HĐQT và BKS tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2020 (bao gồm TV chuyên trách HĐQT, Ban TGD, KTT, TV BKS chuyên trách);</p> <p>(3) - Trường hợp LNST thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 1% LNST giảm so với kế hoạch thì giảm 1% so với mức thù lao hoàn thành kế hoạch.</p> <p>(4) - Trong trường hợp lỗ không thực hiện chi trả thù lao.</p>	

3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020:

Căn cứ vào lợi nhuận đăng ký, trình ĐHĐCĐ thông qua phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 là 5% VĐL.

4. Kế hoạch đầu tư:

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về các Dự án như sau:

- Giao Ban TGD xây dựng phương án đầu tư hệ thống PCCC tại Nhà máy theo các quy định của Luật PCCC cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh tại Nhà máy Công ty.
- Dự báo xu thế thị trường, phát triển sản phẩm mới. Hợp tác với các đơn vị có năng lực và nhu cầu kết nối kinh doanh cho các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay.

5. Công tác chỉ đạo điều hành:

- Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các chính sách pháp luật của Nhà Nước, quy định, quy chế và Điều lệ Công ty.
- Cùng với Ban TGD chỉ đạo sát sao công tác tổ chức hiệu quả hoạt động SXKD, định hướng phát triển bền vững lâu dài cho Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và định hướng năm 2020 của HĐQT Công ty. Hội đồng quản trị Công ty rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của Quý cổ đông/Nhà đầu tư cho sự phát triển của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGÔ HOÀNG PHƯƠNG





Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định liên quan của pháp luật;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số 55/19/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 24/05/2019;
- Xem xét Báo cáo Tài chính kiểm toán, các tài liệu, báo cáo và kết quả làm việc giữa Ban Kiểm soát với các CBNV là đại diện, đầu mối của Công ty,

Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2019 của Ban như sau:

Phần 1. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ phù hợp với qui định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty và Biên bản, Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Các nhóm đầu việc chủ yếu gồm:

1. Tham dự các phiên họp Hội đồng quản trị (“HĐQT”) và tham gia đóng góp ý kiến vào một số văn bản, cơ chế, qui chế, qui định của Công ty.
2. Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc (“Ban TGD”) theo các quy định.
3. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ năm 2019 thông qua.
4. Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đối với HĐQT và Ban TGD.
5. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 và xem xét một số chuyên đề trọng tâm về: quản lý công nợ phải thu, quản lý hàng tồn kho, quản lý chi phí, công tác củng cố kiện toàn hệ thống quản trị.



Phần 2. Kiểm soát các lĩnh vực hoạt động trọng tâm

1. Kết quả hoạt động SXKD toàn Công ty

(Triệu đồng)

Stt	Nội dung	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		
			KH	Thực hiện	2019/2018
1	Doanh thu	710.427	624.015	800.748	112,7%
2	Giá vốn	667.045		746.516	111,9%
3	Lãi gộp	42.734		54.188	
	% Lãi gộp/DT	6,0%		6,7%	
4	Chi phí tài chính	9.182		11.124	121,1%
	<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	<i>7.913</i>		<i>9.141</i>	
5	Chi phí bán hàng	20.349		21.253	
6	Chi phí QLDN	10.101		13.439	
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.174	13.859	8.594	270,7%
	% Lợi nhuận/DT	0,44%		1,07%	
8	Tổng lợi nhuận sau thuế	2.531		5.922	
	%LNST/Vốn chủ sở hữu	1,47%		3,38%	
9	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	1,5%	5%	ĐH quyết	

(Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty)

Theo đó:

- Về doanh thu, vượt kế hoạch và bằng 112,7% so với thực hiện năm trước.
- Tỷ lệ % giá vốn/doanh thu trên 93% (năm trước là 94%), cho thấy giá vốn cao và biên lãi gộp mỏng (chỉ 6%-7% so với doanh thu).
- Chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý ở mức như năm trước.
- Chi phí khác có phát sinh tăng chủ yếu do trong năm Công ty bị phạt hợp đồng,...
- Về lợi nhuận trước thuế đạt 8,59 tỷ đồng, cao hơn năm trước nhưng mới đạt 62% kế hoạch lợi nhuận.
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu, cao hơn năm trước nhưng còn thấp, đạt 1,07% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đạt 3,38%.
- Về chia cổ tức, theo kế hoạch là 5%. Tuy nhiên, với lợi nhuận thực tế thì Công ty khó đảm bảo chia cổ tức theo kế hoạch đề ra.

Năm 2019, Lợi nhuận tuy cao hơn năm trước nhưng vẫn ở mức thấp. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và trên vốn chủ sở hữu đều mỏng. Trong bối cảnh dư nợ phải thu và hàng tồn kho ở mức khá cao mà lợi nhuận lại mỏng như vậy có thể rủi ro tiềm

ấn về công nợ và hàng tồn.

2. Về tình hình tài chính

- Trong năm, Công ty đã lập Báo cáo Tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán. Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Số liệu trong báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính kế toán của Công ty.
- Một số chỉ tiêu chủ yếu về tình hình tài chính của Công ty như sau:

+ Về tài sản và nguồn vốn:

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019	
		Tiền (trđ)	Tỷ trọng	Tiền (trđ)	Tỷ trọng
A	Tổng tài sản	377.198		367.713	
1	Tài sản ngắn hạn	351.121	93,0%	347.602	94,5%
	<i>Trong đó, phải thu ngắn hạn</i>	<i>145.705</i>	<i>38,6%</i>	<i>147.924</i>	<i>40,2%</i>
	<i>Trong đó, Hàng tồn kho</i>	<i>181.460</i>	<i>48,1%</i>	<i>164.460</i>	<i>44,7%</i>
2	Tài sản dài hạn	26.077	6,9%	20.110	5,4%
B	Tổng nguồn vốn	377.198		367.713	
1	Nợ phải trả	205.919	54,5%	192.908	52,4%
	<i>Trong đó, Vay</i>	<i>116.603</i>	<i>30,9%</i>	<i>115.096</i>	<i>31,3%</i>
2	Vốn chủ sở hữu	171.279	45,4%	174.804	47,5%

(Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty)

Theo đó:

- Tổng tài sản và Tổng nguồn vốn cuối năm giảm ít so với đầu năm, trong đó chủ yếu do giảm ở mục nợ phải trả và hàng tồn kho.
- Trong cơ cấu tài sản thì tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn nhìn chung không biến động nhiều, khoản mục Phải thu ngắn hạn và Hàng tồn kho tuy có giảm nhưng vẫn ở mức cao.
- Trong cơ cấu nguồn vốn thì nợ phải trả và vốn chủ sở hữu cũng không biến động nhiều, nợ vay vẫn ở mức cao.

Trong năm tồn kho và công nợ của Công ty lớn sẽ gây nguy cơ về gánh nặng tài chính cho Công ty. Để tăng hiệu quả thì cần trọng tâm quản trị tối ưu: Hàng tồn kho, Công nợ phải thu và Chi phí vay.

3. Về quản lý công nợ phải thu

347
TY
IÀN
ĐIỆN
CAP
TP.

KL

Theo số liệu báo cáo thì nợ phải thu của Công ty thường ở mức cao, số dư cuối năm 2019 lên tới 147 tỷ đồng, trong đó nợ phải thu quá hạn theo báo cáo của Công ty lên tới 30 tỷ đồng, có nguy cơ về nợ khó đòi.

4. Về quản lý hàng tồn kho

Theo số liệu báo cáo thì trị giá hàng tồn kho của Công ty thường ở mức cao, có cả tồn kho chậm luân chuyển.

5. Về quản lý chi phí nhằm cải thiện hiệu quả SXKD

- Xem xét số liệu doanh thu, chi phí, lợi nhuận của Công ty năm 2019 và năm trước đó cho thấy, chỉ tiêu doanh thu vượt kế hoạch nhưng tỷ lệ lãi gộp mỏng, lợi nhuận thấp, tỷ suất lợi nhuận so với doanh thu và so với vốn chủ sở hữu đều thấp. Chưa có số liệu bình quân cùng ngành để so sánh và đánh giá thêm.
- Công ty đã ban hành qui định và mục tiêu chỉ tiêu về tối ưu tiết kiệm chi phí theo một số mục chi phí cụ thể để làm cơ sở thực hiện và đang tổ chức thực hiện.

6. Về tổ chức, nhân sự

Với đặc điểm Công ty có qui mô tương đối lớn xét về doanh thu thực hiện, luồng tiền, với nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh đa dạng, gồm cả: sản xuất, thương mại, dự án thuộc nhiều lĩnh vực. Song trong năm 2019 nhân sự lãnh đạo của Công ty không đủ (chỉ có 01 nhân sự trong Ban TGD điều hành và đến gần cuối năm mới tìm được một vài ứng viên), công việc điều hành không được chia sẻ, và có tình trạng quá tải.

7. Về công tác quản trị

- Trong năm, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất có sự tham dự của Ban kiểm soát và các cán bộ chủ chốt nhằm đánh giá tình hình và kết quả SXKD cũng như bàn các biện pháp, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.
- Công ty cũng đã ban hành nhiều văn bản qui định, tuy nhiên còn thiếu cơ chế về lợi ích kinh tế thực sự có động lực mang tính đột phá.

Phần 3. Nhận xét, kiến nghị của Ban kiểm soát

1. Nhận xét chung

- Năm 2019, Công ty có lợi nhuận nhưng tỷ suất lợi nhuận khá thấp và không hoàn thành chỉ tiêu ĐHCĐ giao. Với kết quả kinh doanh thực tế thì khó có thể đạt tỷ lệ cổ tức như kế hoạch (tỷ lệ chia cổ tức cụ thể sẽ theo nghị quyết của ĐHCĐ).
- Tuy không đạt được chỉ tiêu quan trọng về lợi nhuận và có thể cả chỉ tiêu về cổ tức. Song Công ty cũng đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trên các mặt, công ăn việc làm cho người lao động và thực hiện nghĩa vụ với NSNN được đảm bảo, hoạt động của Công ty được ổn định, hệ thống quản trị được tiếp tục củng cố kiện toàn, công tác đào tạo và hoạt động đội nhóm được triển khai khá

tích cực, đã thể hiện nỗ lực của Lãnh đạo và toàn Công ty.

2. *Về việc chủ động tham gia cuộc cách mạng 4.0 và xu thế chuyển đổi số trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh*

Công ty cần coi trọng, quyết liệt và chủ động hơn nữa trước cuộc cách mạng này.

- Nghiên cứu, lựa chọn, học tập, tổ chức ứng dụng sâu rộng và đồng bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và xuất kinh doanh. Tổ chức đào tạo, học tập, thay đổi thói quen, thích ứng cao với môi trường làm việc trực tuyến.
- Rà soát kiện toàn công tác mã hóa, số hóa dữ liệu; tổ chức cơ sở dữ liệu tập trung và liên thông trong toàn Công ty. Đồng thời, nghiên cứu ứng dụng các công cụ lập báo cáo thông minh, tự động và nhanh chóng.
- Kiện toàn qui định, hướng dẫn về việc sử dụng công cụ, phần mềm, ứng dụng, công nghệ thông tin, bảo mật người dùng và bảo mật dữ liệu.

3. *Công tác quản trị, nhân sự*

- Tiếp tục rà soát kiện toàn các văn bản qui định điều hành SXKD. Nên quan tâm hơn đến cơ chế về lợi ích kinh tế thực sự có động lực mang tính đột phá.
- Công ty cần sớm kiện toàn nhân sự chủ chốt trong Ban Điều hành để có thể điều hành sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn và giảm tải cho Ban điều hành.
- Đối với nhân sự chức năng, chuyên môn nghiệp vụ và lao động sản xuất: bởi cảnh sức hút về nhân sự các cấp bởi các khu công nghiệp, các tổ hợp sản xuất của nước ngoài ngày càng gia tăng đối với cả lao động tay nghề và lao động phổ thông, nên Công ty cần nghiên cứu và có đối sách hiệu quả.

4. *Về công tác quản lý chi phí, cải thiện hiệu quả SXKD*

Đề nghị Công ty tổ chức theo dõi đánh giá thường xuyên, sát sao và có báo cáo đánh giá, số liệu cụ thể đối với các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm chi phí đã đề ra.

5. *Về quản lý công nợ phải thu*

- Cần thường xuyên liên tục rà soát đánh giá toàn bộ danh mục nợ phải thu, kịp thời phát hiện các khoản nợ quá hạn, khó đòi, có nguy cơ rủi ro thu hồi. Đồng thời cần có biện pháp và giải pháp thu hồi nợ hiệu quả.
- Căn cứ kết quả, số liệu thống kê phân loại nợ, cần đảm bảo trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo yêu cầu của nguyên tắc thận trọng.
- Cần rà soát và kiện toàn qui định, chế tài mạnh và hiệu quả về quản lý công nợ phải thu, nhất là về trách nhiệm vật chất khi để phát sinh nợ quá hạn và nợ xấu.

6. *Về quản lý mua hàng hóa vật tư và hàng tồn kho*

- Cần tiếp tục tìm các biện pháp và giải pháp giảm giá vốn, giá thành để cải thiện



nl

tỷ suất lãi gộp; coi đây là chuyên đề lớn, đặt mục tiêu chỉ tiêu phấn đấu cụ thể cho từng bộ phận cá nhân, trên cơ sở đảm bảo mua đúng cái cần với giá cả và số lượng hợp lý.

- Cần tiếp tục tiến hành sát sao việc thống kê, kiểm kê thực tế; phân loại hàng tồn kho theo thời gian lưu kho; rà soát đánh giá phát hiện các hàng hóa vật tư không dùng, chậm luân chuyển, kém chất lượng.
- Cần rà soát kiện toàn qui định, chính sách, chế tài và hiệu quả về mua sắm, quản lý hàng hóa vật tư.

7. Nội dung khác

Đại dịch Covid-19 là biến cố lớn, tác động không nhỏ tới mọi mặt hoạt động của Công ty. Đề nghị Công ty cần thảo luận đánh giá sâu sắc và toàn diện về tác động, bài học kinh nghiệm và hành động ứng xử của Công ty trong và sau dịch.

8. Kế hoạch kiểm soát trọng tâm năm 2020

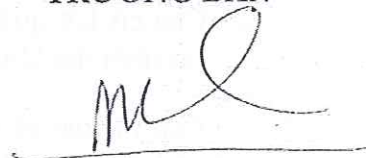
Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện theo chức năng nhiệm vụ theo qui định; đồng thời sẽ tiếp tục đồng hành, phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban TGD và Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để Công ty thực hiện thắng lợi Nghị quyết của ĐHĐCĐ và ngày càng phát triển, trong đó sẽ trọng tâm vào một số chuyên đề lớn về:

- Quản lý vật tư hàng hóa (từ khâu mua, quản lý hàng tồn, theo dõi rà soát phân loại, trích lập dự phòng, qui định chế tài trong quản lý và việc tổ chức thực hiện).
- Quản lý công nợ (từ khi phát sinh, theo dõi rà soát phân loại tình trạng từng khoản nợ, tổ chức thu hồi, trích lập dự phòng, qui định chế tài trong quản lý và việc tổ chức thực hiện).
- Quản lý dòng tiền và các khoản vay.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019. Thay mặt Ban Kiểm soát, tôi xin cảm ơn ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban TGD và cán bộ điều hành đã phối hợp và hỗ trợ để Ban hoàn thành nhiệm vụ.

Kính chúc ĐHĐCĐ thành công và xin trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Văn Ninh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2020

CÔNG TY CP VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

Số: /20/QC-HĐQT

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 được Quốc Hội khóa 13 Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP;

PHẦN I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1.** Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP.
- Điều 2.** Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- Điều 3.** Cổ đông/đại diện cổ đông tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

PHẦN II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ KHI THAM DỰ ĐẠI HỘI

- Điều 4.** Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông (đại diện cổ đông được uỷ quyền) khi tham gia dự Đại hội
- 4.1. Cổ đông phổ thông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cổ đông vì lý do riêng không đến dự Đại hội đồng cổ đông được, nếu có nhu cầu uỷ quyền thì có thể uỷ quyền bằng Giấy uỷ quyền (theo mẫu quy định) cho một người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
- 4.2. Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP sẽ thông báo công khai chương trình Đại hội, các báo cáo tài chính, báo cáo của HĐQT và Ban Kiểm soát, ... Những ý kiến của các cổ đông hoặc thông qua đại diện uỷ quyền tại



Đại hội sẽ được thảo luận công khai và biểu quyết dưới hình thức giơ tay hoặc thẻ biểu quyết.

- 4.3. Việc thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty sẽ được thực hiện khi có từ 51% trở lên tổng số cổ phần của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông, trừ Khoản 2 của Điều 20 được quy định trong điều lệ Công ty.
- 4.4. Cổ đông đến dự Đại hội sau khi cuộc họp khai mạc phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
- 4.5. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Đoàn Chủ tịch Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội, Ban Kiểm phiếu

- 5.1. Ban Tổ chức Đại hội do Chủ tịch HĐQT Công ty làm Trưởng ban, thành viên là các ủy viên HĐQT Công ty. Ban Tổ chức Đại hội có trách nhiệm triệu tập, đón tiếp, bố trí chỗ ngồi, phát tài liệu, Thẻ biểu quyết cho những cổ đông/đại diện cổ đông được ủy quyền có đủ tư cách tham dự Đại hội.
- 5.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội (sau đây gọi là Ban kiểm tra tư cách cổ đông) do Ban tổ chức Đại hội chỉ định. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tiếp nhận giấy tờ những người đến tham dự Đại hội xuất trình, kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông dự Đại hội. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền kiến nghị việc từ chối cấp thẻ biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.
- 5.3. Ban Kiểm phiếu do Đại hội biểu quyết thông qua theo sự đề nghị của Chủ tọa Đại hội; thành viên Ban kiểm phiếu là cổ đông của công ty.

Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Xác định tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết **Đồng ý/Không đồng ý/Không có ý kiến** đối với từng vấn đề thảo luận tại Đại hội.
- Thực hiện công tác kiểm phiếu theo Quy chế bầu cử,

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

- 6.1. Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT, Ban thư ký Đại hội do Ban Tổ chức Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 6.2. Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết.

- 6.3. Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
- 6.4. Chủ tọa Đại hội đồng có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác nếu nhận thấy rằng:
- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- 6.5. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của chủ tọa, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội

PHẦN III : TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết theo Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Cách thức tiến hành thông qua các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội

- 8.1. Đại hội sẽ lần lượt được tiến hành theo nội dung chương trình của Đại hội và thảo luận biểu quyết thông qua các vấn đề trong nội dung trên.

Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự hoặc ủy quyền tham dự bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và được ủy quyền. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự được cấp một Thẻ biểu quyết trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và được ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP.

Cách biểu quyết: Cổ đông biểu quyết bằng cách tích vào Thẻ biểu quyết để lựa chọn ý kiến **Đồng ý**, **Không đồng ý**, hoặc **Không có ý kiến** đối với một vấn đề mà Ban chủ tọa đề nghị lấy biểu quyết.

Về bầu cử: theo quy chế bầu cử được Đại hội thông qua.

- 8.2. Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội chỉ được thông qua khi được tối thiểu 51% tổng số cổ phần biểu quyết tán thành của các cổ đông có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền có mặt dự họp. Trừ các nội dung yêu cầu 65% theo Điều 20 khoản 2 của Điều lệ Công ty.

Điều 9. Nguyên tắc phát biểu tại Đại hội

- 9.1. Cổ đông muốn đề xuất một yêu cầu nào đó tại Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện theo nguyên tắc sau:
- Chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần Thảo luận của Đại hội.

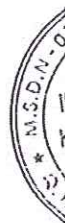


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-34

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP
Đốc Vân, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102306413 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 23 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đốc Vân, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Hoàng Phương	Chủ tịch	
Ông Trần Xuân Thái	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 03 năm 2019
Bà Vũ Hồng Hạnh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019
Ông Trần Quốc Việt	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2019
Ông Ngô Hữu Tâm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 05 năm 2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Hồng Hạnh	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Văn Ninh	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 24 tháng 05 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Trình	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 05 năm 2019
Ông Vũ Hoàng Công	Thành viên	
Ông Đinh Quang Hữu	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

Đốc Vân, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Vũ Hồng Hạnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020



Số: 230320.016/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap được lập ngày 10 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		347.602.904.713	351.121.063.265
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	33.524.387.586	18.775.521.394
111	1. Tiền		20.818.704.761	16.195.521.394
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.705.682.825	2.580.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	830.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		830.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		147.924.600.175	145.705.188.678
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	128.473.357.158	120.440.041.602
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.243.297.144	22.314.687.225
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.802.779.850	2.950.459.851
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(1.594.833.977)	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	164.460.459.270	181.460.384.004
141	1. Hàng tồn kho		164.460.459.270	181.460.384.004
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		863.457.682	5.179.969.189
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	257.665.261	536.056.782
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		155.875.316	4.017.092.817
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	449.917.105	626.819.590
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.110.227.549	26.077.640.627
220	II. Tài sản cố định		19.061.674.762	23.168.118.020
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	19.061.674.762	23.168.118.020
222	- Nguyên giá		100.071.024.152	98.936.536.793
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.009.349.390)	(75.768.418.773)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	305.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	305.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.048.552.787	2.604.522.607
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.048.552.787	2.604.522.607
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		367.713.132.262	377.198.703.892

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		192.908.481.524	205.919.413.475
310	I. Nợ ngắn hạn		192.868.481.524	205.919.413.475
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	65.589.959.852	82.464.657.944
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	6.041.392.118	1.567.840.986
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.050.929.835	178.607.047
314	4. Phải trả người lao động		3.564.376.973	3.227.281.094
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	863.980.373	1.153.399.853
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	351.318.331	406.970.481
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	115.096.738.512	116.603.955.505
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		309.785.530	316.700.565
330	II. Nợ dài hạn		40.000.000	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	40.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		174.804.650.738	171.279.290.417
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	174.804.650.738	171.279.290.417
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		156.000.000.000	156.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		156.000.000.000	156.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.044.700.000	5.044.700.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.637.174.532	7.637.174.532
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.122.776.206	2.597.415.885
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		200.465.385	66.280.730
421b	LNST chưa phân phối năm nay		5.922.310.821	2.531.135.155
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		367.713.132.262	377.198.703.892

Nguyễn Thị Thu Thanh
Người lập

Nguyễn Thị Thu Thanh
Kế toán trưởng





Vũ Hồng Hạnh
Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	800.748.270.443	710.427.214.418
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	42.861.405	646.440.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		800.705.409.038	709.780.774.418
11	4. Giá vốn hàng bán	22	746.516.867.995	667.045.832.309
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.188.541.043	42.734.942.109
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	476.042.427	267.819.174
22	7. Chi phí tài chính	24	11.124.691.721	9.182.767.865
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		9.141.352.520	7.913.998.735
25	8. Chi phí bán hàng	25	21.253.725.667	20.349.557.602
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13.439.682.232	10.101.393.507
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.846.483.850	3.369.042.309
31	11. Thu nhập khác	27	330.148.268	493.000
32	12. Chi phí khác	28	582.153.496	195.429.541
40	13. Lợi nhuận khác		(252.005.228)	(194.936.541)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.594.478.622	3.174.105.768
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	2.672.167.801	642.970.613
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.922.310.821</u>	<u>2.531.135.155</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	380	162


Nguyễn Thị Thu Thanh
Người lập


Nguyễn Thị Thu Thanh
Kế toán trưởng


Vũ Hồng Hạnh
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		793.925.343.468	742.639.285.321
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(716.083.619.965)		(699.380.099.328)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(19.133.149.789)		(15.346.472.771)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(9.178.044.206)		(7.913.145.732)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.526.630.440)		(650.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	12.140.401.475		6.838.963.171
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(40.138.960.276)		(30.400.473.497)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>20.005.340.267</i>	<i>(4.211.942.836)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(1.004.032.814)		(6.755.103.642)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	305.000.000		-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(830.000.000)		-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	260.576.357		289.630.670
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>(1.268.456.457)</i>		<i>(6.465.472.972)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay	410.494.740.250		424.452.403.650
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(412.001.957.243)		(432.633.771.135)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(2.340.000.000)		(3.119.251.200)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>(3.847.216.993)</i>		<i>(11.300.618.685)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>14.889.666.817</i>	<i>(21.978.034.493)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.775.521.394	40.754.539.405
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(140.800.625)	(983.518)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	33.524.387.586	18.775.521.394



Nguyễn Thị Thu Thanh
Người lập



Nguyễn Thị Thu Thanh
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Hạnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102306413 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 23 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đốc Vân, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 156.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 156.000.000.000 đồng; tương đương 15.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại: Sản xuất, kinh doanh các loại dây (kể cả dây dẫn điện tử) và cáp; Hệ thống cáp viễn thông, cáp thông tin, cáp điện, cáp công nghiệp, phụ tùng và phụ kiện cáp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý mua bán, đại lý phân phối các nguyên vật liệu, sản phẩm phục vụ sản xuất kinh doanh; Môi giới thương mại;
- Sản xuất linh kiện điện tử: Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện, điện tử và tin học;
- Sản xuất truyền thông: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, vật liệu, phụ kiện và các thiết bị đầu nối mạng viễn thông, mạng điện lực hay mạng chuyên ngành khác; Sản xuất các sản phẩm điện dân dụng; Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện gia dụng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Kinh doanh các loại thẻ dùng trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê: Kinh doanh bất động sản;
- Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học; Xây lắp các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Xử lý dữ liệu cho thuê và các hoạt động liên quan.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2019, Công ty ký kết được các hợp đồng cung cấp cáp quang và cáp điện phục vụ hoạt động xây dựng cơ bản cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bưu chính viễn thông VNPT và các khách hàng khác. Điều này dẫn đến doanh thu, giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ tăng mạnh tương ứng. Tuy nhiên, Công ty đã tiết kiệm các chi phí trong quá trình sản xuất và tình hình giá nguyên vật liệu đầu vào ổn định nên tốc độ tăng của giá vốn ít hơn tốc độ tăng của doanh thu. Vì vậy, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng khoảng 11,4 tỷ đồng, tương ứng 26,8% so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty cổ phần Viễn thông điện tử Vinacap tại Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh thương mại

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Giá trị sản phẩm dở dang cuối năm được xác định theo đơn giá thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành. Trong đó số lượng sản phẩm chưa hoàn thành được xác định theo kết quả kiểm kê thực tế.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

1/2019

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất cáp viễn thông, dây và cáp điện chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.920.551.429	878.855.603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.898.153.332	15.316.665.791
Các khoản tương đương tiền (*)	12.705.682.825	2.580.000.000
	<u>33.524.387.586</u>	<u>18.775.521.394</u>

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm với lãi suất từ 4,85%/năm đến 5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	830.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	830.000.000	-	-	-
	<u>830.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2019, tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với số tiền là 830.000.000 đồng với lãi suất 6,4%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Trung tâm Cung ứng Vật tư-Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh	8.458.257.410	-	9.618.136.575	-
- Tổng công ty viễn thông MOBIFONE	-	-	4.570.500.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Thiên Hà	8.130.140.752	-	7.809.031.228	-
- Công ty Cổ phần Phân phối VINACAP Việt Nam	27.731.337.036	-	19.477.141.247	-
- Công ty dịch vụ Vật tư - Viễn thông Hà Nội	19.698.846.970	-	24.088.196.664	-
- Công ty TNHH MTV xuất-kinh doanh tổng hợp	-	-	3.898.683.071	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển HTC.COM Group	913.872.430	-	2.317.072.780	-
- Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú	9.470.368.069	-	3.062.993.596	-
- Các khoản phải thu khách hàng	54.070.534.491	(1.594.833.977)	45.598.286.441	-
	<u>128.473.357.158</u>	<u>(1.594.833.977)</u>	<u>120.440.041.602</u>	<u>-</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>47.909.495.360</u>	<u>-</u>	<u>36.010.981.109</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thương mại Phương Trung	-	-	1.992.000.000	-
- Dupont (Thailand) LTD	-	-	1.254.215.432	-
- Công ty Cổ phần Công thương Đông Phương	-	-	9.201.404.416	-
- Shenha International Co., LTD	853.546.675	-	853.546.675	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Thiên Hà	9.189.196.740	-	5.407.633.589	-
- SHENHA TECHNOLOGY CO., LIMITED	960.595.142	-	960.595.142	-
- HONG KONG ASA MULTIMEDIA	641.340.883	-	641.340.883	-
- Trả trước cho người bán khác	2.598.617.704	-	2.003.951.088	-
	<u>14.243.297.144</u>	<u>-</u>	<u>22.314.687.225</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho	68.996.813	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.932.964	-	-	-
Tạm ứng	186.105.000	-	48.933.500	-
Ký cược, ký quỹ	5.898.500.999	-	2.488.177.491	-
Tạm chi thù lao Hội đồng quản trị	115.769.436	-	-	-
Tạm chi quỹ phúc lợi	150.000.000	-	-	-
Phải thu khác	380.474.638	-	413.348.860	-
	<u>6.802.779.850</u>	<u>-</u>	<u>2.950.459.851</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ quốc tế (TSJ)	259.463.651	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Ánh Quang	122.451.402	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Thiên Ân	100.787.140	-	-	-
- Công ty TNHH Tin học và Viễn thông Đại Gia Phát	100.068.541	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cấp quang và Thông tin Bưu điện	475.244.932	78.053.225	-	-
- Công ty Cổ phần Viễn thông KOLIA Hà Nội	614.871.536	-	-	-
	<u>1.672.887.202</u>	<u>78.053.225</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.369.805.926	-	57.704.184.531	-
Công cụ, dụng cụ	1.335.293	-	2.435.293	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.125.578.141	-	38.108.691.170	-
Thành phẩm	55.530.451.149	-	68.889.626.815	-
Hàng hoá	25.433.288.761	-	16.755.446.195	-
	<u>164.460.459.270</u>	<u>-</u>	<u>181.460.384.004</u>	<u>-</u>

Trong đó:

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm: 93.844.013.590 đồng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tiền thuê đất	81.434.739	81.434.739
Chi phí thuê dây chuyền sản xuất	-	280.805.775
Chi phí chờ phân bổ	176.230.522	173.816.268
	<u>257.665.261</u>	<u>536.056.782</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	26.029.529	157.184.424
Chi phí quảng cáo	-	402.291.625
Chi phí sửa chữa cơ sở hạ tầng nhà máy	263.238.737	526.477.505
Chi phí sửa chữa văn phòng	759.284.521	1.518.569.053
	<u>1.048.552.787</u>	<u>2.604.522.607</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

Dốc Ván, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

II . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	7.208.403.768	88.057.428.928	3.623.322.891	47.381.206	98.936.536.793					
- Mua trong năm	-	499.487.359	635.000.000	-	1.154.487.359					
Số dư cuối năm	7.208.403.768	88.556.916.287	4.258.322.891	47.381.206	100.071.024.152					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	3.834.477.375	68.934.440.641	2.952.119.551	47.381.206	75.768.418.773					
- Khấu hao trong năm	360.420.192	4.613.302.297	267.208.128	-	5.240.950.617					
Số dư cuối năm	4.194.897.567	73.547.742.938	3.219.327.679	47.381.206	81.009.349.390					
Giá trị còn lại	3.013.506.201	15.009.173.349	1.038.995.212	-	19.061.674.762					
Tại ngày đầu năm	3.573.926.393	19.122.988.287	671.203.340	-	23.168.118.020					
Tại ngày cuối năm	3.013.506.201	15.009.173.349	1.038.995.212	-	19.061.674.762					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 253.143.493 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.771.299.266 đồng.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
-Công ty Cổ phần Hanel	-	-	15.534.752.201	15.534.752.201
-Công ty Cổ phần RECOIN	3.233.861.070	3.233.861.070	6.741.315.790	6.741.315.790
-Sumitomo electric (Thái Lan) Ltd.	1.461.148.416	1.461.148.416	21.288.923.952	21.288.923.952
-Công ty Cổ phần Viễn thông TELVINA Việt Nam	1.331.702.384	1.331.702.384	2.145.911.424	2.145.911.424
-Công ty TNHH VINACOMPOUND	6.090.414.000	6.090.414.000	3.778.818.175	3.778.818.175
-Công ty TNHH MTV Cấp Quang	-	-	1.669.388.093	1.669.388.093
-Công ty Cổ phần Dây điện và phích cắm Trần Phú	7.986.634.700	7.986.634.700	5.283.076.425	5.283.076.425
-Shuangdeng Group Co., LTD	13.716.478.720	13.716.478.720	-	-
-Công ty TNHH Thành Đồng	4.597.302.600	4.597.302.600	909.250.100	909.250.100
Phải trả các đối tượng khác	27.172.417.962	27.144.169.062	25.113.221.784	25.113.221.784
	<u>65.589.959.852</u>	<u>65.561.710.952</u>	<u>82.464.657.944</u>	<u>82.464.657.944</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>4.324.627.573</u>	<u>4.324.627.573</u>	<u>3.594.721.032</u>	<u>3.594.721.032</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ Viễn thông Âu Á	-	397.467.224
Công ty Cổ phần Công thương Đông Phương	-	272.268.348
Tổng công ty Viễn thông MOBIFONE	2.279.398.000	-
Tổng công ty Cổ phần công trình Viettel	1.372.535.773	-
Công ty TNHH Dịch vụ tổng hợp và thương mại quốc tế Thăng Long	551.129.800	-
Công ty TNHH Du lịch và thương mại Sông Hồng	440.985.588	-
Các khoản người mua trả trước khác	1.397.342.957	898.105.414
	<u>6.041.392.118</u>	<u>1.567.840.986</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP
Độc lập, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam

14 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	490.200.558		15.581.664		13.999.592.578		13.974.890.789		449.917.105			-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	136.619.052		-		2.672.167.801		1.526.630.440		-			1.008.918.329
Thuế Thu nhập cá nhân	-		163.025.383		435.824.048		556.837.925		-			42.011.506
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		336.339.573		336.339.573		-			-
Các loại thuế khác	-		-		4.000.000		4.000.000		-			-
	626.819.590		178.607.047		17.447.924.000		16.398.698.727		449.917.105			1.050.929.835

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	203.747.383	240.439.069
- Chi phí điện, điện thoại	180.765.604	433.493.398
- Chi phí phải trả khác	479.467.386	479.467.386
	<u>863.980.373</u>	<u>1.153.399.853</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	124.214.169	170.252.493
- Bảo hiểm xã hội	-	443.826
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	748.800	748.800
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	226.355.362	235.525.362
	<u>351.318.331</u>	<u>406.970.481</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	40.000.000	-
	<u>40.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP
 Đốc Văn, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

17 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.546.562.432	1.546.562.432	21.824.762.362	23.371.324.794	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (1)	52.159.284.748	52.159.284.748	211.763.320.002	217.659.667.430	46.262.937.320	46.262.937.320
- Ngân hàng TMCP Quân đội (2)	52.967.185.596	52.967.185.596	75.600.021.924	112.360.845.543	16.206.361.977	16.206.361.977
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội	-	-	13.516.527.134	13.516.527.134	-	-
- Ngân hàng Thương Mại TNHH MTV Đại Dương chi nhánh Thăng Long (3)	9.930.922.729	9.930.922.729	19.615.015.365	19.866.193.844	9.679.744.250	9.679.744.250
- Ngân hàng TMCP Ky Thương Việt Nam (4)	-	-	68.175.093.463	25.227.398.498	42.947.694.965	42.947.694.965
	116.603.955.505	116.603.955.505	410.494.740.250	412.001.957.243	115.096.738.512	115.096.738.512

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VHN 180121 Tài khoản số 002-636686 ngày 05/02/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty cho sản xuất, kinh doanh và các giao dịch hối đoái;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký và tự động gia hạn nhiều lần, mỗi lần 12 tháng trừ khi có thông báo khác từ ngân hàng;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định tại từng Khế ước nhận nợ, lãi suất đang áp dụng trong kỳ đối với VND là 6,7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 46.262.937.320 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.
- (2) Hợp đồng cấp tín dụng số 256145.18.086.699888.TD của Ngân hàng TMCP Cổ phần Quân đội và Công ty ngày 18 tháng 04 năm 2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị điện và thiết bị viễn thông giai đoạn 2019-2020;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày ký văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng đến hết ngày 28/02/2020;
 - + Lãi suất cho vay: Được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng; lãi suất đang áp dụng trong kỳ đối với VND từ 7,3%/năm - 7,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 16.206.361.977 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm Tiền - thẻ tiết kiệm/ Hợp đồng tiền gửi - Giấy tờ có giá, Bất động sản, Động sản theo quy định của MB từng thời kỳ. Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh thiết bị, vật tư viễn thông: Tài sản đảm bảo là hàng hóa và quyền đòi nợ/khoản phải thu từ phương án MB tài trợ; Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh thiết bị điện: Khi số dư nghĩa vụ trong lĩnh vực này vượt mức 30 tỷ đồng, phần vượt được đảm bảo bằng tài sản là ký quỹ tại MB/ Hợp đồng tiền gửi/ Thẻ tiết kiệm/ Giấy tờ có giá do MB phát hành/ Trái phiếu chính phủ/ Tín phiếu kho bạc/ Bất động sản/ Phương tiện vận tải theo quy định của MB từng thời kỳ.
- (3) Hợp đồng cấp tín dụng số 0214/2019-HĐCV/OCEANBANK.PGDTHANHXUAN của Ngân hàng Ngân hàng Thương Mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long ngày 21/06/2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; phát hành bảo lãnh, L/C nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 21/06/2019 đến hết ngày 21/06/2020;
 - + Lãi suất cho vay: 6,8%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 9.679.744.250 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.
- (4) Hợp đồng cấp tín dụng số BIZ2019125158541/HDTD của Ngân hàng Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ngày 28/05/2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng; Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; phát hành bảo lãnh, L/C nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 28/05/2019 đến hết ngày 28/05/2020;
 - + Lãi suất cho vay: 6,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 42.947.694.965 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

Độc Văn, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	156.000.000.000	5.044.700.000	7.978.685.382	2.799.467.782	171.822.853.164				
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.531.135.155	2.531.135.155				
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(3.120.000.000)	(3.120.000.000)				
Điều chỉnh lợi nhuận đã phân phối (*)	-	-	(341.510.850)	386.812.948	45.302.098				
Số dư cuối năm trước	156.000.000.000	5.044.700.000	7.637.174.532	2.597.415.885	171.279.290.417				
Số dư đầu năm nay	156.000.000.000	5.044.700.000	7.637.174.532	2.597.415.885	171.279.290.417				
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.922.310.821	5.922.310.821				
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(2.396.950.500)	(2.396.950.500)				
Số dư cuối năm nay	156.000.000.000	5.044.700.000	7.637.174.532	6.122.776.206	174.804.650.738				

(*) Số điều chỉnh giảm là số chênh lệch giữa số được trích theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 với số đã tạm trích năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 91/17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/05/2017.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 55/19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	2.531.135.155
Thù lao Hội đồng quản trị	2,25%	56.950.500
Chi trả cổ tức (bằng 1,5% vốn điều lệ)	92,45%	2.340.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	5,30%	134.184.655

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	32,00%	49.920.000.000	32,00%	49.920.000.000
Công ty cổ phần thương mại Phương Trung	0,00%	-	26,17%	40.818.560.000
Bà Nguyễn Thanh Hà	17,74%	27.673.360.000	0,15%	232.960.000
Bà Nguyễn Thị Lan	9,50%	14.815.440.000	0,00%	-
Ông Phạm Văn Trung Kiên	10,27%	16.025.360.000	10,27%	16.025.360.000
Các cổ đông khác	30,49%	47.565.840.000	31,41%	49.003.120.000
	100%	156.000.000.000	100%	156.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	156.000.000.000	156.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	156.000.000.000	156.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	156.000.000.000	156.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	748.800	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	2.340.000.000	3.120.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.340.000.000	3.120.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(2.340.000.000)	(3.119.251.200)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(2.340.000.000)	(3.119.251.200)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	748.800	748.800

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.600.000	15.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.600.000	15.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.600.000	15.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.600.000	15.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.600.000	15.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.637.174.532	7.637.174.532
	7.637.174.532	7.637.174.532

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng làm việc theo hợp đồng thuê hoạt động với Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thiên Hà tại tầng 3, tòa nhà N03T5, Khu Đoàn Ngoại giao, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội với diện tích 346.806 m², thời gian thuê từ ngày 09/10/2017 đến ngày 09/11/2022. Theo hợp đồng này Công ty phải trả tiền thuê hàng quý.

Công ty ký hợp đồng thuê lô đất tại thôn Yên Viên, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm với UBND Thành phố Hà Nội để sử dụng đất làm Văn phòng làm việc, nhà xưởng sản xuất với thời hạn thuê đất hàng năm, diện tích khu đất thuê là 12.521,4 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	59.069,56	353,89
- Đồng Euro (EUR)	129,82	138,92

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	443.574.647.899	328.076.333.673
Doanh thu bán hàng hóa	357.173.622.544	382.350.880.745
	<u>800.748.270.443</u>	<u>710.427.214.418</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>188.133.159.327</u>	<u>228.213.642.812</u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	35.755.635	581.440.000
Giảm giá hàng bán	7.105.770	65.000.000
	<u>42.861.405</u>	<u>646.440.000</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	421.794.599.400	312.619.336.301
Giá vốn của hàng hóa đã bán	324.722.268.595	354.426.496.008
	<u>746.516.867.995</u>	<u>667.045.832.309</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	329.573.170	203.517.245
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	91.636.322	25.425.937
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	54.832.935	38.875.992
	<u>476.042.427</u>	<u>267.819.174</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.141.352.520	7.913.998.735
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	813.184.541	830.505.410
Chi phí tài chính khác	1.170.154.660	438.263.720
	<u>11.124.691.721</u>	<u>9.182.767.865</u>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.912.726	23.791.819
Chi phí nhân công	7.971.156.015	7.333.319.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.946.765	156.045.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.889.306.701	9.536.476.495
Chi phí khác bằng tiền	2.769.043.574	3.126.985.786
Chi phí bảo hành	421.359.886	172.937.839
	<u>21.253.725.667</u>	<u>20.349.557.602</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	386.725.177	422.539.029
Chi phí nhân công	5.363.121.514	4.657.558.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	25.818.180
Thuế, phí, lệ phí	14.600.617	13.408.377
Chi phí dự phòng	1.594.833.977	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.450.830.827	3.887.998.756
Chi phí khác bằng tiền	1.629.570.120	1.094.070.665
	<u>13.439.682.232</u>	<u>10.101.393.507</u>

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền phạt thu được	7.527.000	-
Hàng được tặng	322.572.751	-
Thu nhập khác	48.517	493.000
	<u>330.148.268</u>	<u>493.000</u>

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế	191,813,401	-
Các khoản phạt hành chính	10,260,152	17,763,779
Các khoản bị phạt vi phạm hợp đồng	369,985,940	155,665,762
Chi phí khác	10,094,003	22,000,000
	<u>582,153,496</u>	<u>195,429,541</u>

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8,594,478,622	3,174,105,768
Các khoản điều chỉnh tăng	4,766,360,381	4,425,698,475
- Chi phí không hợp lệ	208,845,430	39,763,779
- Chi phí lãi vay theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP	4,495,599,123	4,384,951,178
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	61,915,828	983,518
Thu nhập chịu thuế TNDN	<u>13,360,839,003</u>	<u>7,599,804,243</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	2,672,167,801	1,519,960,849
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(136,619,032)	(129,589,645)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1,526,630,440)	(650,000,000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>1,008,918,329</u>	<u>(136,619,032)</u>

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5,922,310,821	2,531,135,155
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5,922,310,821	2,531,135,155
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15,600,000	15,600,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>380</u>	<u>162</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	386,085,728,481	334,195,462,444
Chi phí nhân công	22,323,012,308	18,889,371,337
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,240,930,617	6,362,196,741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22,753,092,061	15,960,834,361
Chi phí khác bằng tiền	5,742,955,137	6,024,167,984
	<u>442,145,718,604</u>	<u>381,432,032,866</u>

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.524.387.586	-	18.775.521.394	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	135.276.137.008	(1.594.833.977)	123.390.501.453	-
Các khoản cho vay	830.000.000	-	-	-
	<u>169.630.524.594</u>	<u>(1.594.833.977)</u>	<u>142.166.022.847</u>	<u>-</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			115.096.738.512	116.603.955.505
Phải trả người bán, phải trả khác			65.981.278.183	82.871.628.425
Chi phí phải trả			863.980.373	1.153.399.853
			<u>181.941.997.068</u>	<u>200.628.983.783</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.524.387.586	-	-	33.524.387.586
Phải thu khách hàng, phải thu khác	133.681.303.031	-	-	133.681.303.031
Các khoản cho vay	830.000.000	-	-	830.000.000
	<u>168.035.690.617</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>168.035.690.617</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.775.521.394	-	-	18.775.521.394
Phải thu khách hàng, phải thu khác	123.390.501.453	-	-	123.390.501.453
	<u>142.166.022.847</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>142.166.022.847</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	115.096.738.512	-	-	115.096.738.512
Phải trả người bán, phải trả khác	65.941.278.183	40.000.000	-	65.981.278.183
Chi phí phải trả	863.980.373	-	-	863.980.373
	<u>181.901.997.068</u>	<u>40.000.000</u>	<u>-</u>	<u>181.941.997.068</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	116.603.955.505	-	-	116.603.955.505
Phải trả người bán, phải trả khác	82.871.628.425	-	-	82.871.628.425
Chi phí phải trả	1.153.399.853	-	-	1.153.399.853
	<u>200.628.983.783</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>200.628.983.783</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm		188.133.159.327	228.213.642.812
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các đơn vị thành viên	Cổ đông lớn	188.133.159.327	228.213.642.812
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		40.944.978.280	77.151.178.936
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các đơn vị thành viên	Cổ đông lớn	40.944.978.280	77.151.178.936

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính :

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		47.909.495.360	36.010.981.109
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các đơn vị thành viên	Cổ đông lớn	47.909.495.360	36.010.981.109
Phải trả người bán ngắn hạn		4.324.627.573	3.594.721.032
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các đơn vị thành viên	Cổ đông lớn	4.324.627.573	3.594.721.032

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.725.480.531	2.035.085.478
<i>Trong đó, thu nhập của Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	<i>696.969.923</i>	<i>689.773.522</i>

35 . SỞ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Thu Thanh
Người lập



Nguyễn Thị Thu Thanh
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Hạnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020





CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

Số: /20/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2020

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

- Về việc thông qua:
- + BCTC đã kiểm toán năm 2019; Kết quả SXKD, Thực hiện phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019.
 - + Kế hoạch SXKD; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức; Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT và BKS; Kế hoạch đầu tư năm 2020;
 - + Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020.

KÍNH GỬI: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP;
- Căn cứ Nghị Quyết số 70/20/NQ-HĐQT ngày 06/03/2020 lần thứ 39 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP.



Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- I. Nội dung 1: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019; Kết quả sản xuất kinh doanh, Thực hiện phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019:
1. Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		
			Kế hoạch	Thực hiện	% +/-
1	Doanh thu	709,78	624,015	800,71	28%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	3,17	13,86	8,59	-38%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	2,53	11,09	5,92	-47%
4	Vốn điều lệ bình quân	156	156	156	100%

5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	1,5%/VĐL	5%/VĐL	3%/VĐL	-40%
6	Thù lao HĐQT, BKS	0,569	3% LNST	0,125	
7	Trích lập các quỹ	0	Theo quy định	0	

(Theo tài liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)

2. Thực hiện phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và chi trả thù lao HĐQT-BKS 2019:

Căn cứ:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 55/19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2019;
- Kết quả SXKD năm 2019:
 - o Lợi nhuận sau thuế: 5.922 triệu đồng.
 - o Cổ tức: Trình ĐHĐCĐ thông qua chia cổ tức 3 %/VĐL.
 - o Thù lao HĐQT: 125.000.000 triệu đồng.

3. Công tác đầu tư:

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về đầu tư công tác PCCC: Giao Ban TGD xây dựng phương án đầu tư hệ thống PCCC tại Nhà máy theo các quy định của Luật PCCC cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh tại Nhà máy VINACAP phù hợp với tình hình thực tế của Công ty

II. Nội dung 2: Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức; Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT và BKS; Kế hoạch đầu tư năm 2020:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Các Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
Doanh thu	800,71	652,15	Giảm 19%
Lợi nhuận trước thuế	8,59	9,24	Tăng 7,5%
Vốn điều lệ	156	156	
Cổ tức bình quân	3%/VĐL	5%/VĐL	Sau khi đã trích nộp đủ các quỹ theo quy định

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
Quỹ tiền lương/Thù lao HĐQT và BKS		Phương án chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2020 chi tiết như sau: (1) – Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chỉ tiêu LNST năm 2020 thì thù lao bằng 3% LNST (sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định); (2) – Trường hợp LNST thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 1% LNST vượt so với kế hoạch thì thù lao được tăng tối đa 2% thù lao theo mức hoàn thành kế hoạch. Tổng quỹ thù lao thực hiện của HĐQT và BKS tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2020 (bao gồm TV chuyên trách HĐQT, Ban TGD, KTT, TV BKS chuyên trách); (3) - Trường hợp LNST thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 1% LNST giảm so với kế hoạch thì giảm 1% so với mức thù lao hoàn thành kế hoạch. (4) - Trong trường hợp lỗ không thực hiện chi trả thù lao.	

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020:

Căn cứ vào lợi nhuận đăng ký, trình ĐHĐCĐ thông qua phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 tối thiểu là 2% /VĐL (Dự kiến).

3. Kế hoạch đầu tư:

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về các Dự án như sau:

- 3.1. Ban TGD xây dựng phương án đầu tư hệ thống PCCC tại Nhà máy theo các quy định của Luật PCCC cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh tại Nhà máy Công ty.
- 3.2. Dự báo xu thế thị trường, phát triển sản phẩm mới. Hợp tác với các đơn vị có năng lực và nhu cầu kết nối kinh doanh cho các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay.

III. Nội dung 3: Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020:

Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ giao cho HĐQT chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán lớn, có uy tín để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và biểu quyết thông qua!

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGÔ HOÀNG PHƯƠNG